TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Văn Hải và ông Trịnh Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 503/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Thành N – sinh năm 1993

Địa chỉ: Đội 4, ấp 2, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H – sinh năm 1989

Địa chỉ: Số nhà 79/11/1, đội 4, ấp 2, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa hôm nay anh N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và bị đơn chị H vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2018, biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2018, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11/3/2019 nguyên đơn anh Ngô Thành N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh bị tai nạn giao thông nên sức khỏe yếu chưa có khả năng đi làm chăm lo cho gia đình, vì vậy hai người thường hay cãi nhau. Từ khoảng đầu năm 2014 cho đến nay, anh chị không còn sống chung nên không quan tâm, liên lạc, bỏ mặc nhau. Nay bản thân anh nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về nuôi con chung: Anh N trình bày có 01 (một) con chung là cháu Ngô Thanh T – sinh ngày 28/8/2012. Từ năm 2014 đến nay con chung do anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh hiện nay đi làm thuê có thu nhập khoảng 4.000.000 đồng/ 01 tháng, ngoài ra gia đình anh hỗ trợ anh tiền bạc và công sức chăm sóc nuôi dưỡng, đưa đón cháu đi học nên đảm bảo về việc nuôi dưỡng con chung. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt niêm yết Thông báo thụ lý số 503/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2018 cho chị H theo quy định của pháp luật nhưng chị Nguyễn Thị Thu H không có ý kiến trả lời. Tòa án đã triệu tập chị H đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H không chấp hành triệu tập của Tòa án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng theo Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân chị H cũng không có T chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của anh N là có cơ sở. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N. Về con chung: Qua chứng cứ thu thập được thì anh N có đủ điều kiện nuôi con chung. Đề nghị giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Về án phí: Anh N phải chịu án phí hôn nhân nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H cư trú tại đội 4, ấp 2, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Tân Phú có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.2] Về tư cách đương sự: Anh N khởi kiện xin ly hôn với chị H nên anh là nguyên đơn, chị H là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của anh N đối với chị H nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự:

- Nguyên đơn anh N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự - Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Bị đơn chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử có đủ sơ sở xác định: Trong cuộc sống vợ chồng giữa anh N và chị H đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn nhưng cả hai người không đưa ra giải pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình mà tự chấm dứt cuộc sống chung. Tại Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…có nghĩa vụ sống chung với nhau*". Tuy nhiên, kể từ năm 2014 đến nay, anh chị không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng mà bỏ mặc nhau. Qua xác minh tại địa phương (bút lục 25, 26, 27 và 28) do anh N bị tai nạn giao thông nên sức khỏe yếu chưa có khả năng đi làm chăm lo cho gia đình, vì vậy thường hay cãi nhau, vợ chồng đã nói chuyện để hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã nhiều lần mời anh chị đến để hòa giải, hàn gắn tình cảm cho hai người nhưng chị H không chấp hành; điều đó thể hiện chị không có T chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị H đã trầm trọng; cuộc sống chung không còn; mục đích hôn nhân không đạt được. Anh N xin ly hôn với chị H là có cơ sở quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 01 con chung là Ngô Thanh T – sinh ngày 28/8/2012; hiện cháu T đang sống chung với anh N.

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện anh N là người có đạo đức, nhân cách tốt; là lao động phổ thông và có thu nhập. Từ khi vợ chồng không còn sống chung thì anh là người chăm sóc con tốt, phát triển bình thường. Sự việc này đều có ý kiến xác nhận của ban ấp 2, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai - nơi anh N cư trú. Để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu T và đảm bảo lợi ích về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu T cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nên tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên anh N và chị H có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N kê khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H không có văn bản trình bày ý kiến, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp.

Về án phí: Anh Ngô Thành N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Thành N, cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Thanh T – sinh ngày 28/8/2012 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, anh N và chị H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh N kê khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H không có văn bản trình bày ý kiến, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp.

4. Về án phí: Anh Ngô Thành N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đồng mà anh N theo biên lai số 006176 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú được chuyển thành án phí. Anh N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Ngô Thành N và chị Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Điền(Số 67, quyển số:I/2012, đăng ký ngày 10/10/2012) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Lan

'ÒA ÁN NHÂN DÂN
[UYỆN TÂN PHÚ
'ỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi .....giờ .....phút, ngày 10 tháng 5 năm 2019

Tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Văn Hải và ông Trịnh Ngọc Thành.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 503/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Thành N – sinh năm 1993

Địa chỉ: Đội 4, ấp 2, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H – sinh năm 1989

Địa chỉ: Số nhà 79/11/1, đội 4, ấp 2, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa hôm nay anh N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và bị đơn chị H vắng mặt lần 2)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I. THỦ TỤC TỐ TỤNG: Ý kiến của Hội thẩm nhân dân……..

1/ Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, sự vắng mặt của các đương sự:

- Bị đơn chị H có nơi cư trú tại Đội 4, ấp 2, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

- Anh N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị H, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; anh N là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự anh là nguyên đơn, chị H là bị đơn.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân……: Đồng ý như ý kiến ……..

Ý kiến của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Đồng ý như ý kiến của 02 hội thẩm đã nêu như trên.

*Biểu quyết: **3/3***

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân …….:

2/ Về điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân …….: Đồng ý.

Ý kiến của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Đồng ý như ý kiến đã nêu như trên của 02 hội thẩm.

*Biểu quyết: **3/3***

II. NỘI DUNG:

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân …….:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Thành N, cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Thanh T – sinh ngày 28/8/2012 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, anh N và chị H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N kê khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H không có văn bản trình bày ý kiến, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân .....: Đồng ý.

Ý kiến của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Đồng ý như ý kiến đã nêu như trên của 02 hội thẩm.

*Biểu quyết: **3/3***

III. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC:

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân .....:

- Về án phí: Anh Ngô Thành N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đồng mà anh N theo biên lai số 006176 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú được chuyển thành án phí. Anh N đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo**:** Theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân .....: Đồng ý.

Ý kiến của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Đồng ý.

*Biểu quyết: **3/3***

IV. QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Thành N, cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Thanh T – sinh ngày 28/8/2012 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, anh N và chị H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh N kê khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H không có văn bản trình bày ý kiến, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp.

4. Về án phí: Anh Ngô Thành N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đồng mà anh N theo biên lai số 006176 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú được chuyển thành án phí. Anh N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Ngô Thành N và chị Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân …….. và ý kiến của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Đồng ý biểu quyết: 3/3 về Quyết định của Hội đồng xét xử đã ghi như trên.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA